QUẢN LÝ CÔNG NHÂN NHẬP CƯ TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VỀ AN SINH XÃ HỘI

PHẠM THỊ HỒNG NHUNG
Trường Đại học Thủ Dầu Một

Nhận bài ngày 30/10/2025. Sửa chữa xong 20/12/2025. Duyệt đăng 29/12/2025.

Abstract

In recent years, the rapid process of industrialization and urbanization in Ho Chi Minh City has driven the establishment and expansion of industrial zones, leading to a substantial demand for labor and a rapid influx of migrant workers. This internal migration has contributed significantly to the city's socio-economic growth; however, it has also posed major challenges in population management, urban infrastructure, and especially in ensuring adequate social security for workers. Migrant workers commonly encounter difficulties related to housing, welfare provisions, access to basic services, and achieving long-term livelihood stability. In the context of the Communist Party of Vietnam's emphasis on harmonious, progressive, and inclusive social development, research on the management of migrant workers in industrial zones becomes essential. Strengthening governance in this area contributes to policy improvement, protection of workers' rights, and sustainable development.

Keywords: *Governance, Ho Chi Minh City, industrial zones, migrant workers, social welfare.*

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành địa bàn tập trung đông đảo lao động nhập cư, đặc biệt là công nhân tại các khu công nghiệp. Lực lượng lao động này có vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động của Thành phố, song cũng đặt ra nhiều thách thức trong công tác quản lý, nhất là về bảo đảm an sinh xã hội (ASXH). Phân tích thực trạng tại các khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2007 đến nay cho thấy, công tác quản lý lao động nhập cư và thực hiện chính sách ASXH đã đạt được nhiều kết quả tích cực như mở rộng cơ hội việc làm, từng bước cải thiện thu nhập, tăng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và triển khai các chương trình nhà ở xã hội cho công nhân. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế như việc làm chưa bền vững, khó khăn trong tiếp cận nhà ở xã hội, tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội chưa cao và nhận thức của một bộ phận người lao động về quyền ASXH còn hạn chế. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh gắn với bảo đảm ASXH. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần ổn định đời sống người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đường lối của Đảng, Chính sách của Nhà nước về an sinh xã hội trong thời kỳ đổi mới

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt từ khi khởi xướng công cuộc đổi mới năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán xác định ASXH vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức lý luận của Đảng về ASXH không ngừng được bổ sung và hoàn thiện, ngày càng tiếp cận theo hướng toàn diện, phù hợp hơn với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội

Email: nhungpth@tdmu.edu.vn

nhập quốc tế. Ngay tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), trong bối cảnh đất nước đứng trước nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, Đảng đã xác định nhiệm vụ cấp bách là ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Văn kiện Đại hội VI nhấn mạnh việc bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của con người như ăn, mặc, chăm sóc sức khỏe, học tập, đi lại, hưởng thụ văn hóa và cải thiện điều kiện nhà ở, coi đây là mục tiêu cơ bản của quá trình xây dựng CNXH và phản ánh quy luật kinh tế cơ bản của chế độ XHCN [3, tr. 87-90].

Quan điểm lấy con người làm trung tâm của phát triển tiếp tục được khẳng định và làm sâu sắc hơn tại Đại hội VIII của Đảng (1996). Đảng nhấn mạnh rằng hạnh phúc và sự phát triển của con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực to lớn để phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Quan điểm này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặt nền tảng cho việc gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội [4, tr. 112-115].

Đại hội X của Đảng (2006) đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc định hình hệ thống ASXH ở Việt Nam theo hướng đa tầng, đa trụ cột. Đảng chủ trương xây dựng chính sách ASXH đa dạng; phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm toàn dân; đồng thời mở rộng các hình thức cứu trợ xã hội và tạo việc làm bền vững. Văn kiện Đại hội X đặc biệt nhấn mạnh việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi và các nhóm dễ bị tổn thương, qua đó đặt nền móng cho việc hình thành mạng lưới ASXH tương đối đồng bộ [5, tr. 121-125].

Tại Đại hội XII (2016) và Đại hội XIII (2021), Đảng tiếp tục khẳng định bảo đảm ASXH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của phát triển đất nước trong thời kỳ mới, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện chính sách theo hướng bao trùm, mở rộng diện thụ hưởng và nâng cao hiệu quả trợ giúp đối với các nhóm yếu thế. Đáng chú ý, cách tiếp cận chính sách từng bước chuyển từ hỗ trợ mang tính nhân đạo sang bảo đảm quyền ASXH của công dân, phù hợp với mục tiêu phát triển con người và phát triển bền vững [4, tr. 134-137; 6, tr. 152-155]. Trên cơ sở quán triệt các quan điểm của Đảng, Nhà nước đã từng bước thể chế hóa thông qua việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về lao động và ASXH. Bộ luật Lao động năm 1994 và các lần sửa đổi sau đó đã tạo khung pháp lý nền tảng điều chỉnh quan hệ lao động, quy định tương đối đầy đủ các quyền cơ bản của người lao động, thể hiện rõ quan điểm lấy con người làm trung tâm của phát triển [8, tr. 23-30]. Cùng với đó, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 và Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi năm 2014 xác định bảo hiểm xã hội là trụ cột trung tâm của hệ thống ASXH, góp phần mở rộng diện bao phủ, đặc biệt đối với lao động di cư và lao động khu vực phi chính thức [10, tr. 4-52]. Luật Bảo hiểm y tế và Luật Việc làm tiếp tục hoàn thiện mạng lưới ASXH đa tầng, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người lao động [9, tr. 61-65].

Như vậy, hệ thống chính sách và pháp luật về ASXH ở Việt Nam đã có sự chuyển biến rõ rệt từ cách tiếp cận mang tính hỗ trợ sang cách tiếp cận dựa trên quyền ASXH của công dân. Sự chuyển biến này phù hợp với quan điểm phát triển bền vững của Đảng, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý và bảo đảm an sinh cho lực lượng lao động ngày càng đa dạng trong bối cảnh công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế [6, tr. 138-140; 7, tr. 9-12].

2.2. Thực trạng an sinh xã hội của công nhân nhập cư tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Chính sách an sinh xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh đối với công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp (từ 2007 đến nay)

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán xác định ASXH vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Quan điểm này phản ánh nhận thức ngày càng đầy đủ và sâu sắc của Đảng về vai trò trung tâm của con người trong chiến lược phát triển, đồng thời cho thấy sự vận động, bổ sung và hoàn thiện liên tục về tư duy lý luận nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Ngay tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), trong bối cảnh đất nước đứng trước nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống xã hội, Đảng đã xác định nhiệm vụ cấp bách là ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Văn kiện Đại hội VI nhấn mạnh việc bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của con người như ăn, mặc, chăm sóc sức khỏe, học tập, đi lại, hưởng thụ văn hóa và cải thiện điều

kiện nhà ở. Đảng coi việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản này là mục tiêu nền tảng của quá trình xây dựng CNXH, đồng thời phản ánh quy luật kinh tế cơ bản của chế độ XHCn [3, tr. 87-90].

Tại Đại hội VIII (1996), Đảng tiếp tục làm rõ và phát triển quan điểm lấy con người làm trung tâm của chiến lược phát triển. Đại hội nhấn mạnh rằng hạnh phúc của con người không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực quan trọng để phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Quan điểm này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặt nền tảng cho việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội [4, tr. 112-115].

Trước những tác động ngày càng rõ nét của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế, Đại hội IX (2001) đã đưa ra cách tiếp cận mới trong giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng "xã hội hóa". Theo đó, bảo đảm ASXH không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn đòi hỏi sự tham gia của toàn xã hội, bao gồm các cấp chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Đại hội xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm như tạo việc làm, giảm thất nghiệp, cải cách chính sách tiền lương, giảm nghèo nhanh và bền vững, chăm sóc người có công và tăng cường bảo trợ xã hội đối với các nhóm yếu thế [1, tr. 98-102].

Đại hội X của Đảng (2006) đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc định hình hệ thống ASXH theo hướng đa tầng và đa trụ cột. Đảng chủ trương xây dựng hệ thống chính sách ASXH đa dạng, phát triển mạnh bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, từng bước tiến tới bảo hiểm toàn dân, đồng thời mở rộng các hình thức cứu trợ xã hội và tạo việc làm bền vững. Văn kiện Đại hội X đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em mồ côi và các nhóm dễ bị tổn thương, qua đó góp phần hình thành mạng lưới ASXH ngày càng đồng bộ [5, tr. 121-125].

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), vấn đề ASXH được đặt ra với yêu cầu cao hơn về tính bền vững và bao trùm. Đại hội XI (2011) xác định ASXH là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài và là nền tảng quan trọng của phát triển bền vững. Đặc biệt, Nghị quyết số 15-NQ/TW (2012) đã xây dựng khung chính sách xã hội tương đối toàn diện, trong đó ASXH được cấu trúc thành bốn trụ cột cơ bản: việc làm và thu nhập; bảo hiểm xã hội; trợ giúp xã hội; và bảo đảm mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản [5, tr. 15-18]. Tiếp nối định hướng đó, Đại hội XII (2016) và Đại hội XIII (2021) tiếp tục khẳng định bảo đảm ASXH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Đảng nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện chính sách ASXH theo hướng bao trùm, mở rộng diện thụ hưởng và nâng cao hiệu quả trợ giúp đối với các nhóm yếu thế, từng bước chuyển từ cách tiếp cận hỗ trợ mang tính nhân đạo sang bảo đảm quyền ASXH của công dân, phù hợp với mục tiêu phát triển con người và phát triển bền vững [6, tr. 134-137; 7, tr. 152-155].

2.2.2. Thực trạng triển khai và hiệu quả các chính sách an sinh xã hội đối với công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

a. Những kết quả đạt được

Từ năm 2007 đến nay, đặc biệt là giai đoạn sau năm 2015, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong triển khai các chính sách ASXH đối với người lao động nói chung và công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp nói riêng.

Trước hết, chính sách tạo việc làm và bảo đảm thu nhập cho người lao động được triển khai tương đối hiệu quả, ngay cả trong bối cảnh chịu tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19. Theo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2021 Thành phố đã giải quyết việc làm cho hơn 305 nghìn lượt lao động, đạt 102% kế hoạch năm; trong đó số việc làm mới đạt trên 140 nghìn chỗ [11, tr. 25-27]. Bước sang giai đoạn phục hồi, thị trường lao động dần ổn định; năm 2022 và 2023, số lao động được giải quyết việc làm tiếp tục vượt kế hoạch, trong khi tỷ lệ thất nghiệp đô thị được kiểm soát ở mức dưới 4% [11, tr. 30-32].

Thứ hai, các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được triển khai đồng bộ, góp phần củng cố trụ cột ASXH cho người lao động. Năm 2021, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế đều đạt 100%; việc chi trả các chế độ bảo hiểm được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, hỗ trợ hiệu quả người lao

động vượt qua khó khăn do dịch bệnh [2, tr. 18-21]. Đến năm 2023, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt gần 2,77 triệu người, độ bao phủ bảo hiểm y tế vượt 92% dân số, góp phần ổn định đời sống cho công nhân nhập cư có thu nhập thấp và việc làm không ổn định [2, tr. 22-24].

Thứ ba, chính sách nhà ở xã hội và đào tạo nghề từng bước được quan tâm nhằm cải thiện điều kiện sống và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho người lao động. Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã hoàn thành gần 15 nghìn căn hộ nhà ở xã hội; từ năm 2021 đến nay, các dự án nhà ở xã hội và nhà lưu trú công nhân tiếp tục được triển khai, nhất là tại các khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp như thành phố Thủ Đức [12, tr. 41-43].

b. Một số hạn chế, bất cập

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai chính sách ASXH đối với công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả bảo đảm ASXH theo hướng bền vững.

Trước hết, tính ổn định của việc làm và thu nhập của công nhân nhập cư còn thấp, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động từ các cú sốc bên ngoài như đại dịch Covid-19 và những biến động kinh tế toàn cầu. Năm 2023, số lao động mất việc hoặc phải thôi việc trên địa bàn Thành phố vẫn ở mức cao; nhiều công nhân rơi vào tình trạng giảm giờ làm, tạm ngừng việc hoặc nghỉ không lương. Thực trạng này cho thấy khả năng chống chịu của lao động nhập cư trước các biến động kinh tế còn hạn chế, trong khi các chính sách hỗ trợ việc làm chủ yếu mang tính ngắn hạn, chưa tạo được nền tảng ổn định lâu dài cho nhóm lao động này.

Thứ hai, việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội còn bộc lộ nhiều vấn đề đáng quan ngại. Tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội của một bộ phận doanh nghiệp vẫn diễn ra, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người lao động. Đồng thời, xu hướng rút bảo hiểm xã hội một lần trong công nhân nhập cư ngày càng gia tăng, phản ánh áp lực mưu sinh trước mắt cũng như tâm lý thiếu niềm tin vào khả năng bảo đảm an sinh dài hạn của hệ thống bảo hiểm xã hội. Điều này không chỉ làm suy giảm quyền lợi lâu dài của người lao động mà còn đặt ra thách thức đối với tính bền vững của quỹ bảo hiểm xã hội.

Thứ ba, chính sách nhà ở xã hội và nhà lưu trú cho công nhân triển khai chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Nguồn cung nhà ở xã hội hiện mới chỉ đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu của công nhân, khiến phần lớn lao động nhập cư vẫn phải thuê trọ trong các khu dân cư tự phát với điều kiện sống chật hẹp, thiếu an toàn và hạ tầng xã hội. Việc tiếp cận vốn vay ưu đãi còn khó khăn, trong khi giá nhà ở xã hội vẫn vượt quá khả năng chi trả của đa số công nhân có thu nhập thấp.

Cuối cùng, các chính sách ASXH đối với công nhân nhập cư còn thiếu tính phân loại và chưa phù hợp với đặc điểm đa dạng của các nhóm lao động. Việc áp dụng chính sách theo hướng đồng loạt làm giảm khả năng tiếp cận của một bộ phận người lao động, đồng thời phát sinh nguy cơ trục lợi chính sách, qua đó làm suy giảm hiệu quả thực chất của các chính sách ASXH đối với công nhân nhập cư.

2.3. Giải pháp hoàn thiện chính sách an sinh xã hội cho công nhân nhập cư tại Thành phố Hồ Chí Minh

Xuất phát từ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo đảm ASXH trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là yêu cầu chuyển từ "hỗ trợ" sang "bảo đảm quyền ASXH", đồng thời căn cứ vào thực trạng quản lý công nhân nhập cư tại các khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, việc đề xuất các giải pháp cần được tiếp cận theo hướng đồng bộ, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế hiện nay, hướng tới xây dựng mô hình quản lý công nhân nhập cư bền vững, góp phần ổn định xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

2.3.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý lao động nhập cư gắn với bảo đảm an sinh xã hội

Thành phố Hồ Chí Minh cần tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về ASXH đối với công nhân nhập cư làm việc tại các khu công nghiệp, phù hợp với đặc thù của đô thị đặc biệt. Đồng thời, cần rà soát và điều chỉnh các quy định liên quan theo hướng tăng cường sự liên thông giữa quản lý lao động, quản lý cư trú và quản lý ASXH, tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân nhập cư tiếp cận và thụ hưởng chính sách.

2.3.2. Nâng cao hiệu quả tạo việc làm và ổn định thu nhập cho lao động nhập cư

Giải quyết việc làm và bảo đảm thu nhập ổn định là nền tảng của ASXH đối với công nhân nhập cư. Thành phố cần gắn phát triển các khu công nghiệp với chiến lược tạo việc làm bền vững, hạn chế tình trạng việc làm bấp bênh khi kinh tế biến động. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh dự báo nhu cầu lao động, kết nối cung - cầu thông qua các trung tâm dịch vụ việc làm, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo nghề và đào tạo lại nhằm giúp người lao động thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động.

2.3.3. Mở rộng diện bao phủ và nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội

Cần tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của công nhân nhập cư. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn nhằm nâng cao nhận thức của người lao động về ý nghĩa lâu dài của bảo hiểm xã hội, hạn chế xu hướng rút bảo hiểm xã hội một lần, góp phần bảo đảm tính bền vững của hệ thống an sinh.

2.3.4. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và cải thiện điều kiện sống cho công nhân nhập cư

Thành phố cần ưu tiên phát triển nhà ở xã hội và nhà lưu trú công nhân tại các khu công nghiệp, coi đây là nội dung trọng tâm của chính sách ASXH đô thị. Việc triển khai cần dựa trên khảo sát nhu cầu thực tế, phân loại rõ đối tượng thụ hưởng, đồng thời tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức công đoàn và thúc đẩy mô hình hợp tác công - tư trong phát triển nhà ở cho công nhân.

2.3.5. Nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản cho lao động nhập cư

Thành phố Hồ Chí Minh cần chú trọng nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho công nhân nhập cư như y tế, giáo dục, đào tạo nghề và các dịch vụ văn hóa - xã hội. Đồng thời, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy định về cư trú, bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ công của công nhân nhập cư trên cơ sở bình đẳng với cư dân đô thị.

2.4. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý công nhân nhập cư tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đối với Trung ương: Cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về ASXH và quản lý lao động nhập cư theo hướng đồng bộ, nhất quán, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các địa phương, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh, chủ động triển khai các chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn. Bên cạnh đó, cần có cơ chế phân bổ nguồn lực tài chính hợp lý cho các đô thị lớn tiếp nhận số lượng lớn lao động nhập cư để hỗ trợ đầu tư hạ tầng xã hội, phát triển nhà ở xã hội và các dịch vụ công thiết yếu cho người lao động.

Đối với Thành phố Hồ Chí Minh: Cần tiếp tục đổi mới tư duy quản lý lao động nhập cư theo hướng coi đây là một bộ phận không thể tách rời của lực lượng lao động đô thị. Trên cơ sở đó, cần xây dựng chiến lược dài hạn về quản lý lao động nhập cư gắn với bảo đảm ASXH, phát triển đô thị và thị trường lao động bền vững. Cùng với đó, Thành phố cần tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, chính quyền địa phương và doanh nghiệp trong quản lý lao động nhập cư, bảo đảm các chính sách ASXH được triển khai đồng bộ, hiệu quả và đúng đối tượng.

Đối với doanh nghiệp trong các khu công nghiệp: Cần nâng cao trách nhiệm xã hội đối với người lao động nhập cư, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về lao động và ASXH. Tổ chức công đoàn cần phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, đồng thời tham gia tích cực vào việc giám sát thực hiện các chính sách ASXH tại doanh nghiệp.

3. Kết luận

Trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, lao động nhập cư ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu nguồn nhân lực tại các khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc quản lý hiệu quả lực lượng lao động này, đặc biệt trong bảo đảm ASXH không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, gắn với mục tiêu phát triển bền vững của Thành phố và cả nước. Trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về ASXH trong thời kỳ đổi mới, nghiên cứu đã làm rõ sự chuyển biến trong tư duy và cách tiếp cận chính sách, từ hỗ trợ mang tính tình thế sang bảo đảm quyền ASXH của người lao động. Hệ thống chính sách, pháp luật về lao động và ASXH từng bước được hoàn thiện, tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc quản lý và bảo vệ quyền,

lợi ích hợp pháp của lao động nhập cư tại các khu công nghiệp. Phân tích thực trạng cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực trong tạo việc làm, mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội và cải thiện điều kiện tiếp cận dịch vụ xã hội, công tác quản lý lao động nhập cư tại các khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn một số hạn chế. Nổi bật là tính bền vững của việc làm chưa cao, khó khăn trong tiếp cận nhà ở xã hội, tình trạng nợ đọng bảo hiểm xã hội và xu hướng rút bảo hiểm xã hội một lần của người lao động.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2012). *Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 01/6/2012 về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*.

[2] Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Báo cáo tổng kết công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2021-2023*.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. NXB Sự thật, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[8] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012). *Bộ luật Lao động*. NXB Lao động, Hà Nội.

[9] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). *Luật Việc làm*. NXB Lao động, Hà Nội.

[10] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014). *Luật Bảo hiểm xã hội*. NXB Lao động, Hà Nội.

[11] Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Báo cáo tình hình lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2023*.

[12] Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2023). *Báo cáo phát triển nhà ở xã hội và nhà lưu trú công nhân trên địa bàn Thành phố*.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÔNG TÁC...

Tiếp theo trang 414

Trong thời gian qua, có thể khẳng định Nhà nước đã có sự quan tâm nhất định đến công tác phòng chống BLGĐ cũng như phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng trung du miền núi phía Bắc. Tuy nhiên, không thể phủ nhận vai trò của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã có ảnh hưởng lớn đến công tác này. Điều đó được thể hiện rõ nhất thông qua các hoạt động hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để nhận diện những hạn chế, bất cập một cách khách quan và toàn diện, qua đó góp phần giúp Nhà nước có chính sách và hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống BLGĐ nói chung và BLGĐ đối với phụ nữ nói riêng. Sự hỗ trợ về tài chính của các tổ chức nước ngoài trong tạo dựng môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển để góp phần cải thiện đời sống, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong việc nâng cao nhận thức của người dân vùng trung du miền núi phía Bắc đã gián tiếp làm giảm thiểu tình trạng BLGĐ đối với phụ nữ một cách hiệu quả, tiết kiệm và nhanh nhất.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2019). *Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình*.

[2] Daniel G. Saunders (1994). *Posttraumatic stress symptom profiles of battered women: A comparion of survivors in 2 settings violence and victims*. Springer Publishing company, Vol 9, No. 1.

[3] Hoàng Thị Hoa (2012). *Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ triết học*. Luận văn Thạc sĩ Triết học, chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Huỳnh Thị Phúc (2018). *Thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình từ thực tiễn quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng*. Luận văn Thạc sĩ Luật học, chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

[5] Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2011). *Giáo trình Lý* luận và pháp luật về quyền con người. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Nguyễn Thị Hương (2016). *Vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tại tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay*. Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Học viện Hành chính Quốc gia.

[7] Nguyễn Thanh Hải (2014). *Phát triển nông nghiệp các tỉnh trung du miền núi phía Bắc Việt Nam theo hướng bền vững*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, chuyên ngành Kinh tế phát triển, Viện Chiến lược phát triển, Hà Nội.

[8] Oh Soo Bong (2016). *Bạo lực gia đình ở Hàn Quốc và Việt Nam* - Tình hình, nguyên nhân và giải *pháp phòng ngừa (Đối tượng nghiên cứu là phụ nữ)*. Luật văn Thạc sĩ Luật học, chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

[9] OPHI (2014). *Global Multidimentional Poverty Index 2014*. Oxford University.